TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 574/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 19 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 509/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trương Ngọc X, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 02 kiệt 16 đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Chị Lê Thị N, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 02 kiệt 16 đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện nay: số 24 kiệt 17 đường Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trương Ngọc X và chị Lê Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15/10/2003. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 02 kiệt 16 đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2004 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Anh Trương Ngọc X, chị Lê Thị N xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Trương Ngọc X và chị Lê Thị N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Trương Ngọc X và chị Lê Thị N xác nhận có 02 con chung tên là Trương Thị Bảo Tr, sinh ngày 11/9/2003 và Trương Thị Bảo Th, sinh ngày 28/7/2007. Hiện nay các cháu đều đang ở với anh Trương Ngọc X. Cháu Trương Thị Bảo Th có nguyện vọng được ở với anh Trương Ngọc X. Chị Lê Thị N và anh Trương Ngọc X thỏa thuận giao cháu Trương Thị Bảo Th cho anh Trương Ngọc X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Cháu Trương Thị Bảo Tr đã trưởng thành nên anh Trương Ngọc X và chị Lê Thị N không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Anh Trương Ngọc X, chị Lê Thị N tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con chung của anh, chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Ngọc X, chị Lê Thị N xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Ngọc X, chị Lê Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 8 năm 2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trương Ngọc X và chị Lê Thị N.

- Về con chung: Giao cháu Trương Thị Bảo Th, sinh ngày 28/7/2007 cho anh Trương Ngọc X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Cháu Trương Thị Bảo Tr, sinh ngày 11/9/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Ngọc X, chị Lê Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Trương

Ngọc X và chị Lê Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà Anh Trương Ngọc X, chị Lê Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004371 ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND xã phường L, thành phố H (Anh X, chị N ĐKKH số: 86/2003; quyển số: 01 ngày 15/10/2003);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi